| QUỐC HỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Luật số: 98/2025/QH15

# LUẬT
# SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 11 LUẬT VỀ QUÂN SỰ, QUỐC PHÒNG

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng tại Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 18/2023/QH15 và Luật số 38/2024/QH15, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13, Luật số 48/2019/QH14 và Luật số 52/2024/QH15, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13, Luật Nghĩa vụ quân sự số 78/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 48/2019/QH14, Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14, Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15, Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14, Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15, Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 25/2023/QH15, Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14.*

## Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

"1. Khu vực phòng thủ là bộ phận hợp thành phòng thủ quân khu, bao gồm các hoạt động về chính trị, tinh thần, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, quân sự, an ninh, đối ngoại; được tổ chức theo địa bàn cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, lấy xây dựng phòng thủ khu vực, xây dựng cấp xã làm nền tảng để bảo vệ địa phương.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 như sau:

"3. Lệnh thiết quân luật phải xác định cụ thể địa phương cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thiết quân luật, biện pháp, hiệu lực thi hành; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân; các quy tắc trật tự xã hội cần thiết ở địa phương thiết quân luật và được công bố liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 3 Điều 22 như sau:

"b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban bố lệnh giới nghiêm tại một hoặc một số địa phương cấp xã;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã ban bố lệnh giới nghiêm tại một hoặc một số khu vực trên địa bàn quản lý;".

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam**

1. Sửa đổi, bổ sung các điểm i, k, l và m khoản 1 Điều 11 như sau:

"i) Sư đoàn trưởng, Chính ủy Sư đoàn; Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

k) Phó Sư đoàn trưởng, Phó Chính ủy Sư đoàn; Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

Lữ đoàn trưởng, Chính ủy Lữ đoàn;

l) Phó Lữ đoàn trưởng, Phó Chính ủy Lữ đoàn;

Trung đoàn trưởng, Chính ủy Trung đoàn;

m) Phó Trung đoàn trưởng, Phó Chính ủy Trung đoàn;".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

"2. Sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được bầu giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng; sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội hoặc được bổ nhiệm chức vụ Thứ trưởng hoặc chức vụ, chức danh tương đương có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng; sĩ quan Quân đội nhân dân biệt phái được phê chuẩn giữ chức vụ Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội hoặc được bổ nhiệm chức vụ Tổng cục trưởng hoặc chức vụ, chức danh tương đương có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thiếu tướng.".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 40 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

"b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với cán bộ, công chức, hạ sĩ quan dự bị cư trú tại địa phương.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với sĩ quan dự bị giữ chức vụ chỉ huy Trung đoàn và tương đương trở xuống, sĩ quan dự bị có cấp bậc quân hàm Thượng tá trở xuống.".

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng**

Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

"**Điều 27. Giải ngạch quân nhân chuyên nghiệp dự bị**

Quân nhân chuyên nghiệp dự bị hết hạn tuổi quy định tại Điều 23 của Luật

này hoặc không còn đủ sức khỏe phục vụ trong ngạch dự bị thì được giải ngạch theo quyết định của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy phòng thủ khu vực.”.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự là hành vi không chấp hành quyết định gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự; quyết định gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; quyết định gọi nhập ngũ; quyết định gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 4 như sau:

“a) Dân quân thường trực có ít nhất 24 tháng phục vụ thì được công nhận hoàn thành thực hiện nghĩa vụ quân sự trong thời bình do Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (sau đây gọi là Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh) quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 13 như sau:

“b) Đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã hoặc đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự cho công dân làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở; trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban chỉ huy quân sự ở cơ sở thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự tại nơi cư trú.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“**Điều 16. Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu**

1. Tháng một hằng năm, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm và công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự chưa đăng ký nghĩa vụ quân sự.

2. Tháng tư hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định gọi công dân quy định tại khoản 1 Điều này để đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu.

3. Công dân phải đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký nghĩa vụ quân sự quy định tại Điều 15 của Luật này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 như sau:

“1. Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung:

Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự khi thay đổi chức vụ công tác, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, tình trạng sức khỏe và thông tin khác có liên quan đến nghĩa vụ quân sự phải đăng ký bổ sung bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký nghĩa vụ quân sự.

2. Đăng ký nghĩa vụ quân sự khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập:

a) Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập phải đăng ký bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại cơ quan đã đăng ký nghĩa vụ quân sự làm thủ tục chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày đến nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập mới phải đăng ký bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký nghĩa vụ quân sự để đăng ký chuyển đến;

b) Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự được gọi vào học tập tại các trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân phải đăng ký bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại cơ quan đã đăng ký nghĩa vụ quân sự làm thủ tục chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự đến cơ sở giáo dục; sau khi thôi học phải làm thủ tục chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự về nơi cư trú hoặc nơi làm việc mới. Người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức cho công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự và chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự.

3. Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng:

Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, nếu đi khỏi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập từ 03 tháng trở lên phải đăng ký bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại nơi đăng ký nghĩa vụ quân sự để đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng; khi trở về nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập trong thời hạn 05 ngày làm việc phải đăng ký lại.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có xác nhận của cấp có thẩm quyền, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức có công dân quy định tại khoản 1 Điều này phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung câu dẫn khoản 4 như sau:

“4. Cơ quan quân sự cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:”;

b) Sửa đổi, bổ sung câu dẫn và điểm a khoản 5 như sau:

“5. Cơ quan công an cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Kịp thời thông báo cho Ban chỉ huy quân sự cùng cấp nơi công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự đang cư trú thuộc đối tượng quy định tại khoản

1 Điều 13 của Luật này;”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ sở y tế cùng cấp phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra sức khoẻ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“**Điều 29. Giải ngạch dự bị**

Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hết độ tuổi hoặc không còn đủ sức khoẻ phục vụ trong ngạch dự bị thì được giải ngạch theo quyết định của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy phòng thủ khu vực.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao số lượng gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cho địa phương cấp xã; quyết định danh sách công dân gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo đề nghị của Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp tỉnh.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc giao số lượng gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cho địa phương cấp xã và cơ quan, tổ chức trên địa bàn; chỉ đạo tuyển chọn công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định gọi từng công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Quyết định gọi nhập ngũ, gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phải được giao cho công dân trước thời gian ghi trong quyết định 15 ngày.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 35 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức giao công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cho các đơn vị nhận quân và tổ chức lễ giao nhận quân do Ban chỉ huy phòng thủ khu vực thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm công khai số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được

gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong quyết định; trường hợp có lý do chính đáng mà không thể đến đúng thời gian, địa điểm thì phải có xác nhận của Ban chỉ huy quân sự cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.".

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36 như sau:

"2. Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp tỉnh, cấp xã gồm:

Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã;

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng nghĩa vụ quân sự là Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự cấp tỉnh, cấp xã;

Phó Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự là Giám đốc Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp xã;

Các ủy viên Hội đồng nghĩa vụ quân sự là người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.".

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

"**Điều 37. Nhiệm vụ của Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp tỉnh**

1. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự và quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; chuẩn bị cho công dân phục vụ tại ngũ, kế hoạch tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; thực hiện tuyển chọn công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; huấn luyện hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị và thực hiện các chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ trên địa bàn.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công dân được gọi nhập ngũ, tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ, miễn thực hiện nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự và chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã.

4. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức bàn giao công dân được gọi nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cho các đơn vị quân đội và công an; tổ chức tiếp nhận hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ.

5. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, hướng dẫn cơ quan, tổ chức liên quan trong việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội và quản lý công dân trong diện thực hiện nghĩa vụ quân sự ở địa phương.

6. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về nghĩa vụ quân sự.".

15. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 Điều 39 như sau:

"1. Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nghĩa vụ quân sự; tổ chức cho công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự, sơ tuyển nghĩa vụ quân sự và khám sức khỏe.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp tỉnh danh sách công dân được gọi nhập ngũ, tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

3. Tổ chức cho công dân thực hiện quyết định gọi sơ tuyển, quyết định gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, quyết định gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; quyết định gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, quyết định kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.".

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

"**Điều 40. Sơ tuyển sức khỏe; khám sức khỏe cho công dân gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập tổ sơ tuyển sức khỏe theo đề nghị của cơ sở y tế cùng cấp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng khám sức khỏe khu vực theo đề nghị của Sở Y tế.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định gọi sơ tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự; khám sức khỏe cho công dân trong diện gọi nhập ngũ và công dân trong diện gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Quyết định gọi sơ tuyển, khám sức khỏe phải được giao cho công dân trước thời điểm sơ tuyển, khám sức khỏe 15 ngày.

4. Hội đồng khám sức khỏe khu vực tổ chức khám sức khỏe cho công dân trong diện gọi nhập ngũ và gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; nội dung khám sức khỏe bao gồm thể lực, lâm sàng, cận lâm sàng bảo đảm chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

5. Thời gian khám sức khoẻ từ ngày 01 tháng 11 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm. Thời gian khám sức khỏe cho công dân trong diện gọi nhập ngũ và gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân lần thứ hai theo quy định tại Điều 33 của Luật này do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Kết quả sơ tuyển sức khỏe, phân loại sức khỏe phải được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 20 ngày.".

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

"**Điều 42. Thẩm quyền quyết định tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ và công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ đối với công dân quy định tại Điều 41 của Luật này.

2. Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ đối với công dân quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật này.".

18. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 44 như sau:

"2. Chỉ huy đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên quyết định xuất ngũ đối với từng hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền; tổ chức lễ tiễn hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ và bàn giao cho Ban chỉ huy phòng thủ khu vực đã giao quân.

3. Thời gian xuất ngũ phải được thông báo trước 30 ngày cho hạ sĩ quan, binh sĩ và Ban chỉ huy phòng thủ khu vực nơi giao quân hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập trước khi nhập ngũ.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, Ban chỉ huy phòng thủ khu vực và cơ quan, tổ chức phải tổ chức tiếp nhận hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ.".

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47 như sau:

"2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định gọi từng công dân nhập ngũ.".

20. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 56 như sau:

"2. Bộ Y tế chỉ đạo cơ quan y tế địa phương chủ trì phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức sơ tuyển sức khỏe, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; phối hợp với Bộ Quốc phòng để quy định về tiêu chuẩn sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng để chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục, các đơn vị, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý thực hiện pháp luật về nghĩa vụ quân sự và thực hiện đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật cho quân đội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức thực hiện chính sách dạy nghề đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ theo quy định.

4. Bộ Nội vụ tổ chức thực hiện chính sách việc làm đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ theo quy định.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật.".

21. Bãi bỏ điều, khoản, điểm, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm như sau:

a) Bãi bỏ khoản 5 Điều 34 và Điều 38;

b) Bãi bỏ các cụm từ: "và lực lượng Cảnh sát biển" tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 3; "phục vụ trong lực lượng Cảnh sát biển và" tại khoản 3 Điều 4; "và thôi phục vụ trong lực lượng Cảnh sát biển" tại điểm b khoản 3 Điều 18.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Biên phòng Việt Nam**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

"5. Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân trong nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, phòng thủ khu vực biên giới, phòng thủ dân sự; phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 10 như sau:

"d) Chính quyền địa phương cấp xã nơi có biên giới quốc gia, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan thực thi nhiệm vụ biên phòng.".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

"a) Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới thuộc phạm vi quản lý không quá 12 giờ;

b) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong khu vực biên giới thuộc phạm vi quản lý không quá 24 giờ.

Trường hợp hết thời hạn 24 giờ, nếu xét thấy cần phải tiếp tục hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm báo cáo Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp tục hạn chế hoặc tạm dừng nhưng không quá 24 giờ;";

b) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và c khoản 4 như sau:

"a) Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu phụ, lối mở không quá 06 giờ;

b) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu phụ, lối mở không quá 12 giờ; quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phương không quá 06 giờ;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phương không quá 24 giờ theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phương không quá 06 giờ, tại cửa khẩu phụ, lối mở không quá 12 giờ;”;

d) Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 như sau:

“8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết điểm a và điểm b khoản 3; các điểm a, b và c khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 14 như sau:

“9. Tham mưu, làm nòng cốt trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân ở khu vực biên giới; tham gia xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, phòng thủ khu vực biên giới, phòng thủ dân sự.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 1 Điều 21 như sau:

“b) Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

b1) Các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;”.

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng không nhân dân**

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trọng điểm phòng không nhân dân là khu vực có khả năng địch tập trung tiến công đường không, bao gồm các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc những nơi có mục tiêu trọng điểm quốc gia, cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp xã và những nơi được xác định trong phương án tác chiến phòng thủ các cấp.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Trọng điểm phòng không nhân dân cấp xã.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trọng điểm phòng không nhân dân cấp xã.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 11 như sau:

“đ) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy phòng thủ khu vực;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 Điều 13 như sau:

“a) Lực lượng phòng không cấp tỉnh, Ban chỉ huy phòng thủ khu vực gồm bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ phòng không, quân nhân dự bị chuyên ngành phòng không, lực lượng phòng không kiêm nhiệm của Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy phòng thủ khu vực và đơn vị Bộ đội Biên phòng được tổ chức thành các đại đội, trung đội, khẩu đội; các đài, vọng quan sát phòng không, các tổ bắn mục tiêu bay thấp và tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

b) Lực lượng phòng không cấp xã do dân quân đảm nhiệm được tổ chức

thành trung đội súng máy phòng không, các tổ bắn mục tiêu bay thấp và tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

"2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quyết định kéo dài độ tuổi huy động tham gia lực lượng rộng rãi theo quy định tại khoản 1 Điều này.".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 16 như sau:

"a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ban chỉ huy phòng thủ khu vực quản lý lực lượng rộng rãi cư trú tại địa phương;".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 5 Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Việc xây dựng công trình phòng không nhân dân chuyên dụng phải theo quy hoạch, kế hoạch, gắn với thế trận phòng thủ của cấp tỉnh, phòng thủ khu vực; bảo đảm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với thế trận phòng không nhân dân.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định xây dựng công trình phòng không nhân dân chuyên dụng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định vị trí sơ tán, phân tán các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xác định các khu vực, phương án sơ tán, phòng tránh cho người lao động và nơi cất giữ tài sản theo kế hoạch phòng không nhân dân của địa phương.".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 30 như sau:

"c) Trường hợp Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an cấp phép bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay và các khu vực khác có ảnh hưởng đến hoạt động bay của tàu bay dân dụng thì phải được sự đồng ý của Bộ Xây dựng.".

8. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 33 như sau:

"đ) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy phòng thủ khu vực, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Chỉ huy đơn vị Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi địa bàn quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an hoạt động ngoài khu vực, mục tiêu do quân đội quản lý;".

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 34 như sau:

"b) Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy phòng thủ khu vực, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện

bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn quản lý;".

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 41 như sau:

"b) Tham gia hoạt động phòng không nhân dân trong diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ;".

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 43 như sau:

"b) Ngân sách địa phương bảo đảm cho hoạt động phòng không nhân dân của địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức chi cho các hoạt động phòng không nhân dân cao hơn định mức chi chung theo quy định của pháp luật; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền đề án, dự án về phòng không nhân dân, quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và dự toán ngân sách cho hoạt động phòng không nhân dân.".

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

"**Điều 47. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm c khoản 2 Điều 31 và Điều 32 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.".

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lực lượng dự bị động viên**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập Kế hoạch nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của địa phương.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

"1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"**Điều 12. Đăng ký, quản lý quân nhân dự bị**

1. Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân cư trú tại địa phương.

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức thực hiện đăng ký quân nhân dự bị tại nơi cư trú.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý quân nhân dự bị cư trú tại địa phương.

3. Ban chỉ huy phòng thủ khu vực phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức trên địa bàn.

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đăng ký quân nhân dự bị quy định tại khoản 1 Điều này.".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"**Điều 13. Đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị**

1. Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện hàng không dân dụng, phương tiện hàng hải, phương tiện thủy nội địa của Bộ Xây dựng và cơ quan đăng ký tàu công vụ thủy sản, tàu kiểm ngư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Bộ Quốc phòng để đăng ký, quản lý.

2. Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cơ quan quản lý phương tiện thông tin liên lạc, thiết bị vật tư y tế ở địa phương có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của chủ phương tiện để đăng ký, quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức định kỳ hằng năm báo cáo, cung cấp thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của chủ phương tiện hoặc nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở để đăng ký, quản lý.

4. Chính phủ quy định Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 14 như sau:

"c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"**Điều 19. Thẩm quyền sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị dự bị động viên**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với

đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân có chỉ tiêu tiếp nhận lực lượng dự bị động viên thực hiện việc sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị dự bị động viên.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho Ủy ban nhân dân cấp xã.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Bị ốm đau hoặc hoàn cảnh gia đình, bản thân khó khăn đột xuất không thể tham gia, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quân nhân dự bị cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc xác nhận.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động có thời hạn phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp trong đơn vị dự bị động viên thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều động số lượng, thời hạn phương tiện kỹ thuật dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc điều động từng phương tiện kỹ thuật dự bị.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 23 như sau:

“1. Ban chỉ huy phòng thủ khu vực tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ tiểu đội trưởng và tương đương trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 25 như sau:

“c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị ở địa phương; trường hợp đơn vị Quân đội nhân dân không có người vận hành, điều khiển thì được quyết định huy động người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc huy động phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị trong trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 24 của Luật này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.”.

11. Sửa đổi, bổ sung các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 27 như sau:

“c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo quyết định huy động lực lượng dự bị động viên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, các đoàn thể có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh thông báo lệnh huy động đơn vị dự bị động viên của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh và quyết định gọi sĩ quan dự bị nhập ngũ của cấp có thẩm quyền đến Ban chỉ huy phòng thủ khu vực;

d) Ban chỉ huy phòng thủ khu vực thông báo quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định gọi sĩ quan dự bị nhập ngũ của cấp trên; thông báo lệnh gọi quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị nhập ngũ của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy phòng thủ khu vực đến Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức có liên quan;

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chuyển quyết định, lệnh gọi nhập ngũ đến từng quân nhân dự bị và quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến từng chủ phương tiện kỹ thuật dự bị;”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện việc tập trung, vận chuyển, bàn giao lực lượng dự bị động viên cho đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân; tổ chức tiếp nhận lực lượng dự bị động viên sau khi thực hiện xong nhiệm vụ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Địa điểm tập trung lực lượng dự bị động viên do Ban chỉ huy phòng thủ khu vực xác định. Địa điểm tiếp nhận lực lượng dự bị động viên do đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân xác định.”.

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 3 như sau:

“c) Bảo đảm trang bị, phương tiện cho chỉ huy động viên; bảo đảm thao

trường, bãi tập, doanh trại phục vụ huấn luyện đơn vị dự bị động viên, xây dựng cơ sở huấn luyện, trạm tập trung, trạm tiếp nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị thuộc bộ đội địa phương;

c1) Xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên cho khu vực phòng thủ;";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Ủy ban nhân dân cấp xã chi cho các công việc sau đây:

a) Đăng ký, quản lý và kiểm tra sức khỏe quân nhân dự bị; đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị; sinh hoạt đơn vị dự bị động viên;

b) Thực hiện chế độ, chính sách đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động theo quy định của Luật này;

c) Tập trung, vận chuyển, giao nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Cơ quan, tổ chức chi cho việc đăng ký, quản lý, sinh hoạt và kiểm tra sức khỏe quân nhân dự bị; quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị; tập trung, vận chuyển, giao nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.".

14. Bãi bỏ khoản 6 Điều 10.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng thủ dân sự**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 Điều 7 như sau:

"a) Phòng thủ dân sự cấp độ 1 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trong phạm vi địa bàn cấp xã khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố, thảm họa vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm và các lực lượng khác trên địa bàn cấp xã;

b) Phòng thủ dân sự cấp độ 2 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trong phạm vi địa bàn cấp tỉnh khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố, thảm họa vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của chính quyền địa phương cấp xã;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 20 như sau:

"a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 1 trên địa bàn quản lý;".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:

"2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp phòng thủ dân sự quy định tại khoản 1 Điều này.".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ huy các lực lượng, phương tiện trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 1 quy định tại Điều 22 của Luật này và biện pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn ở địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã chỉ huy lực lượng thuộc phạm vi quản lý thực hiện phòng thủ dân sự trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 như sau:

“4. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương được thành lập ở cấp xã và cấp tỉnh, có chức năng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trên địa bàn quản lý. Cơ quan quân sự các cấp là cơ quan thường trực của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cùng cấp. Thành viên Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Ban chỉ huy trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công.

Ban chỉ huy phòng thủ khu vực tham mưu cho cơ quan thường trực Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh chỉ đạo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trên địa bàn quản lý; chỉ huy thống nhất các lực lượng thuộc quyền phối hợp với Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“**Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương thực hiện các biện pháp giảm nhẹ hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch cấp quốc gia ứng phó sự cố vỡ đê, hồ, đập; sự cố cháy rừng; bão, áp thấp, lũ, lụt; lũ quét, lũ ống, sạt, lở đất đá và các loại thiên tai khác.

4. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công.

5. Chỉ đạo và điều phối việc tổ chức kiểm tra, xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn liên tỉnh, liên quốc gia, hướng dẫn việc xác định thiệt hại và việc tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ và

Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương có liên quan xây dựng trung tâm nghiên cứu, hệ thống dự báo, cảnh báo sự cố, thảm họa do thiên nhiên, môi trường liên quan đến phòng thủ dân sự.

7. Tổ chức thực hiện các hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, tai biến địa chất.

8. Chỉ đạo thực hiện dự báo, cảnh báo, cung cấp đầy đủ, kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo sự cố, thiên tai liên quan đến địa chất, khí tượng, thủy văn, hải văn cho Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương và cơ quan thông tin đại chúng theo quy định.

9. Chỉ đạo việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.".

7. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 46 như sau:

"**Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**".

8. Bãi bỏ Điều 49.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 6 như sau:

"b) Khu quân sự loại B gồm các trường bắn, thao trường huấn luyện cấp lữ đoàn, trung đoàn và tương đương trở xuống; công trình trường bắn, thao trường huấn luyện được xây dựng trong khu quân sự quy định tại điểm này;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 4 Điều 17 như sau:

"a) Giới hạn trong của vành đai an toàn kho đạn dược cách đường cơ bản kho đạn dược không quá 55 mét; đối với kho đạn dược của đơn vị cấp tiểu đoàn và tương đương trở xuống, giới hạn trong trùng với đường cơ bản;

b) Bán kính an toàn được xác định căn cứ vào cấp kho đạn dược; số lượng, trữ lượng các loại đạn dược, vật liệu nổ cất trữ trong kho được tính toán, quy đổi ra đương lượng TNT. Bán kính an toàn kho đạn dược thuộc Nhóm I và Nhóm II từ 1.200 mét đến 1.500 mét; bán kính an toàn kho đạn dược thuộc Nhóm III từ 800 mét đến 1.000 mét; đối với kho đạn dược của đơn vị cấp tiểu đoàn và tương đương trở xuống từ 60 mét đến 800 mét;".

**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dân quân tự vệ**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định kéo dài độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quy định tại Điều này.".

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 như sau:

“a) Tháng tư hằng năm, căn cứ kết quả đăng ký nghĩa vụ quân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký cho công dân đủ 18 tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; tổ chức đăng ký bổ sung cho công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ;

b) Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ khi thay đổi nơi cư trú đến đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đăng ký cho công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

Trường hợp thay đổi nơi làm việc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký cho công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Dân quân tự vệ tạm vắng trong thời gian từ 03 tháng trở lên phải báo cáo với Ban chỉ huy quân sự cấp xã nơi cư trú, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức hoặc người chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Hằng năm, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.”;

4. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 và khoản 4 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Lao động duy nhất trong hộ nghèo, hộ cận nghèo; người phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; người trong hộ gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi công dân cư trú hoặc làm việc xác nhận;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Hoàn cảnh gia đình khó khăn đột xuất không có điều kiện tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác nhận;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 như sau:

“e) Bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trước thời hạn, đưa ra khỏi danh sách Dân quân tự vệ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Công dân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nhưng còn trong độ tuổi quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức đăng ký, quản lý để sẵn sàng mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định công nhận công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Cấp xã tổ chức trung đội dân quân cơ động. Cấp xã ven biển, đảo tổ chức trung đội dân quân cơ động và tiểu đội hoặc trung đội dân quân biển.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp xã tổ chức khẩu đội cối, tổ hoặc tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế, trung đội Dân quân phòng không, pháo binh; cấp xã trọng điểm về quốc phòng tổ chức tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trên cơ sở tổ chức đơn vị Dân quân tự vệ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp tỉnh tổ chức đại đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh; cấp tỉnh ven biển tổ chức hải đội dân quân thường trực.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của Ủy ban nhân dân các cấp và sự chỉ huy của cơ quan quân sự địa phương các cấp;”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Chỉ huy trưởng là công chức, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan

dự bị; trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh được gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

"d) Phó Chỉ huy trưởng và Trợ lý là công chức.";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban, ngành, đoàn thể ở cấp xã tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, quân sự địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Chính phủ quy định vị trí việc làm đối với Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Trợ lý; số lượng Phó Chỉ huy trưởng, Trợ lý; tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã.".

10. Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm d khoản 1 Điều 22 như sau:

"c) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định thành lập đại đội tự vệ; trung đội; khẩu đội cối; khẩu đội, trung đội Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh; trung đội Dân quân tự vệ biển; tiểu đội, trung đội dân quân thường trực;

d) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã quyết định thành lập tổ, tiểu đội, trung đội Dân quân tự vệ tại chỗ; tổ, tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; tiểu đội Dân quân tự vệ biển sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;".

11. Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c và đ khoản 1 Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 như sau:

"b) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đại đội, hải đội Dân quân tự vệ, hải đội dân quân thường trực; Tư lệnh Quân chủng Hải quân quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy hải đội tự vệ thuộc quyền quản lý;

c) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã quyết định bổ nhiệm Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng và Khẩu đội trưởng Dân quân tự vệ sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh,

Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

"đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy, trợ lý của Ban chỉ huy quân sự cấp xã.".

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

**"Điều 25. Trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phương tiện cơ động cho Dân quân tự vệ**

1. Dân quân tự vệ được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phương tiện cơ động theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phương tiện cơ động cho Dân quân tự vệ.".

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

"**Điều 26. Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã**

Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Trợ lý Ban chỉ huy quân sự cấp xã phải được đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở trình độ cao đẳng hoặc đại học tại nhà trường quân đội.".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 29 như sau:

"3. Làm nòng cốt xây dựng thôn, xã, phường, đặc khu chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở địa phương.".

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 5 Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Đánh địch bảo vệ thôn, xã, phường, đặc khu, cơ quan, tổ chức trong khu vực phòng thủ.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Tham gia đấu tranh chính trị; xây dựng, củng cố thôn, xã, phường, đặc khu, cơ quan, tổ chức bám trụ chiến đấu.".

16. Sửa đổi, bổ sung điểm g và điểm h khoản 1 Điều 32 như sau:

"g) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã điều động dân quân thuộc quyền trong phạm vi cấp xã sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

h) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức điều động tự vệ thuộc quyền trong phạm vi cơ quan, tổ chức sau khi được sự nhất trí của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;".

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 33 như sau:

"3. Các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân cơ động, dân quân thường trực được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự.".

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 38 như sau:

"8. Xây dựng mới, sửa chữa kho tàng, công trình chiến đấu cho Dân quân tự vệ trong khu vực phòng thủ; nơi ăn, nghỉ của dân quân thường trực; trụ sở làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã.".

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 43 như sau:

"2. Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và có trách nhiệm sau đây:

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương bảo đảm cho các nhiệm vụ thường xuyên và các nhiệm vụ đầu tư cho Dân quân tự vệ do trung ương quản lý và tổng hợp chung vào dự toán ngân sách, trình cấp có thẩm quyền;

b) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Trợ lý Ban chỉ huy quân sự cấp xã; về thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức vụ của Ban chỉ huy quân sự cấp xã;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức liên quan chỉ đạo cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình, hướng dẫn về đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã trình độ đại học ngành quân sự cơ sở;

d) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức liên quan chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phối hợp với Dân quân tự vệ trong bảo vệ hải đảo, vùng biển, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng; chỉ đạo, hướng dẫn việc đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu, thuyền trang bị cho Dân quân tự vệ biển, hải đội dân quân thường trực theo quy định của pháp luật.".

20. Bãi bỏ khoản 5 Điều 18, điểm đ khoản 1 Điều 22, điểm e khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 33, điểm b và điểm d khoản 2 Điều 43.

**Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục quốc phòng**

**và an ninh**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 14 như sau:

“d) Trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố (sau đây gọi là thôn); trưởng các đoàn thể ở thôn;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 26 như sau:

“3. Lãnh đạo cấp tỉnh, cấp xã.

4. Lãnh đạo sở, ban, ngành cấp tỉnh; phòng thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và phòng, ban cấp xã.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36 như sau:

“2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trung học cơ sở; quy định chương trình, nội dung, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh cho người học từ trung học phổ thông đến đại học và trong cơ sở dạy nghề.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 36 như sau:

“4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ quy định định mức giáo viên, giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“**Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo**

Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn thực hiện bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc, chức việc các tôn giáo, cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.”.

6. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 39 như sau:

“**Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh được thành lập ở trung ương, quân khu, cấp tỉnh, cấp xã.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh ở trung ương là Bộ Quốc phòng, ở quân khu là cơ quan quân khu, ở cấp tỉnh là cơ quan quân sự cùng cấp, ở cấp xã là Ban chỉ huy quân sự cấp xã.”.

8. Bãi bỏ Điều 38.

**Điều 12. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

---

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**